TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2025
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Kim Nhung

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Phương

Ông Vũ Bá Bảo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lã Phú Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025 về: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 10/7/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Huỳnh Đ**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: P, chung cư A, phường S (trước đây là phường N, quận S), thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm: 1978; Địa chỉ: P, chung cư A, phường S (trước đây là phường N, quận S), thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Huỳnh Đ và bà Nguyễn Thị T kết hôn với nhau năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ (trước là xã V, huyện V, tỉnh Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyển số 01/2002 ngày 08/9/2003. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống với nhau tại địa chỉ phòng A, chung cư A, tổ D, phường S (phường N, quận S cũ), thành phố Đà

Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc cho nhau trong cuộc sống. Nay ông Nguyễn Huỳnh Đ xác định không còn tình cảm yêu thương bà Nguyễn Thị T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết được cho ông Nguyễn Huỳnh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Huỳnh Đ xác định ông và bà Nguyễn Thị T có 02 người con chung là Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 29/7/2004 và Nguyễn Huỳnh Nhật H1, sinh ngày 27/9/2013. Ly hôn ông Nguyễn Huỳnh Đ yêu cầu giao con chung Nguyễn Huỳnh Nhật H1, sinh ngày 27/9/2013 cho ông trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên, ông Đ không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 29/7/2004 đã thành niên và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Huỳnh Đ xác định ông và bà Nguyễn Thị T không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Huỳnh Đ xác định ông và bà Nguyễn Thị T không có nợ chung.

****** *Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T vắng mặt không lý do lần thứ 2, không có ý kiến.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn tuân thủ đúng pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* của ông Nguyễn Huỳnh Đ đối với bà Nguyễn Thị T:

- Ông Nguyễn Huỳnh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

- Giao con chung Nguyễn Huỳnh Nhật H1, sinh ngày 27/9/2013 cho ông Nguyễn Huỳnh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 29/7/2004 đã thành niên và phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Huỳnh Đ xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Huỳnh Đ xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

Nếu sau này bà Nguyễn Thị T có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp ly hôn giữa ông Nguyễn Huỳnh Đ và bà Nguyễn Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên nên Hội đồng xét xử vắng bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Nguyễn Huỳnh Đ và bà Nguyễn Thị T kết hôn năm 2003 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ (trước là xã V, huyện V, tỉnh Cần Thơ). Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Ông Đ khai rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Ông Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T đã có người đàn ông khác dẫn tới việc vợ chồng ông bà thường xuyên cải vã, không còn tiếng nói chung, không thể hòa hợp, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải tuy nhiên đều không có kết quả. Ông Đ nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã rất trầm trọng nên xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Qua quá trình tiến hành xác minh tại địa phương cho thấy rằng việc ông bà thường xuyên cãi vã và sống ly thân từ năm 2023 là có thật, bà T hiện tại không còn sống chung với ông Đ tại địa chung cư A, tổ D, phường S (phường N, quận S cũ), thành phố Đà Nẵng.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Huỳnh Đ thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự chung thủy, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Việc bị đơn bà Nguyễn Thị T không đến tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa cho thấy bà không còn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, đời sống chung giữa hai người đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định cho ông Đ được ly hôn bà T là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Xét thấy thực tế hiện nay con chung đang sống cùng với ông Nguyễn Huỳnh Đ có chính quyền địa phương xác nhận, ông Đ đủ khả năng nuôi dưỡng chăm sóc con chung, do đó căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ, tiếp tục giao con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Đối với con chung Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 29/7/2004 đã thành niên và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Ông Đ xác định không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về nợ chung: Ông Đ xác định không có nên Tòa án không xem xét.

Nếu sau này bà Nguyễn Thị T có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Đ phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Đ đã nộp tại biên lai thu số 00037947 ngày 26/04/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Ông Đ đã nộp đủ án phí.

[9] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án tại phiên tòa hôm nay: hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165, Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, Điều 51, Điều 56, Điều 59 và Điều 81; 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* của ông Nguyễn Huỳnh Đ đối với bà Nguyễn Thị T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Huỳnh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Do chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của ông Nguyễn Huỳnh Đ đối với bà T nên Giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ (trước là xã V, huyện V, tỉnh Cần Thơ) cấp ngày 08/9/2003 không còn giá trị theo quy định của pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Huỳnh Nhật H1, sinh ngày 07/9/2013 cho ông Nguyễn Huỳnh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Huỳnh Đ xác định không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Huỳnh Đ xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu sau này bà Nguyễn Thị T có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông Đ phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Đ đã nộp tại biên lai thu số 00037947 ngày 26/04/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Đà Nẵng). Ông Đ đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận :
- VKSND Khu vực 2 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Đà Nẵng;
- Cục THADS Thành phố Đà Nẵng.
- UBND phường Sơn Trà,
thành phố Đà Nẵng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã kí)

Dương Thị Kim Nhung